

# TÁC ĐỘNG TỪ ĐẦU TƯ TƯ NHÂN TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở TỈNH ĐẮK NÔNG

## IMPACTS OF PRIVATE INVESTMENT ON ECONOMIC GROWTH IN DAK NONG PROVINCE

Bùi Quang Bình

*Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng; binhbq@due.edu.vn*

**Tóm tắt** - Đầu tư tư nhân luôn là nguồn đầu tư quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Bài viết này tập trung phân tích tác động của đầu tư tư nhân tới tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông và rút ra những hàm ý trong việc phát huy vai trò của nguồn đầu tư này với tăng trưởng kinh tế ở đây. Nghiên cứu sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích thống kê và mô hình kinh tế lượng. Các số liệu được sử dụng để phân tích trong nghiên cứu chủ yếu từ niên giám thống kê của Đắk Nông. Kết quả cho thấy, đầu tư tư nhân có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế của khu vực tư nhân qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở tỉnh Đắk Nông.

**Từ khóa** - đầu tư; đầu tư tư nhân; tác động của đầu tư tư nhân; tăng trưởng kinh tế; tăng trưởng kinh tế ở tỉnh Đắk Nông.

**Abstract** - Private investment has always been an important source of investment for the economic growth of most countries in the world, including Vietnam. This paper focuses on the impact of private investment on economic growth in Dak Nong Province, and draws implications for promoting the role of this source of investment in economic growth. The study uses the statistical analysis method and the econometric model. The data used for analysis in the study is mainly from the Dak Nong Statistical Yearbook. The results show that private investment has a positive impact on the economic growth of the private sector, thus promoting economic growth in Dak Nong province.

**Key words** - invest; private investment; impact of private investment; economic growth; economic growth in Dak Nong province.

### 1. Đặt vấn đề

Đầu tư trong nền kinh tế theo hình thức sở hữu bao gồm đầu tư công và đầu tư tư nhân (ĐTTN). Vốn đầu tư là nguồn lực cho tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân, qua đó tác động tới tăng trưởng kinh tế chung của nền kinh tế. Ở Đắk Nông cũng như nhiều địa phương ở Việt Nam, kinh tế tư nhân ngày càng có vai trò quan trọng và đóng góp chủ yếu trong GDP chung của tỉnh. Bài báo này tập trung vào đánh giá tác động của ĐTTN tới tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân tỉnh Đắk Nông qua đó thúc đẩy tăng trưởng chung và đưa ra các hàm ý chính sách sử dụng có hiệu quả nguồn lực.

### 2. Cơ sở lý luận của nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết cho nghiên cứu tác động của đầu tư nói chung và ĐTTN tới tăng trưởng kinh tế của khu vực tư nhân chính là các Lý thuyết về mô hình tăng trưởng trong kinh tế học như: Lý thuyết tăng trưởng Cổ điển; Lý thuyết Tân cổ điển; Lý thuyết tăng trưởng hiện đại. Các lý thuyết kinh tế này đã khẳng định tầm quan trọng của yếu tố vốn đầu tư với tăng trưởng kinh tế, đã chỉ ra cách thức nguồn lực này cùng với các nguồn lực khác tác động tới tăng trưởng sản lượng, hơn nữa đã cung cấp phương pháp luận để phân tích tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế.

Nghiên cứu thực nghiệm về chủ đề này trên thế giới và ở Việt Nam là khá nhiều và cho những kết quả khác nhau về chủ đề này. Tuy nhiên thường thông qua tác động của đầu tư tư nhân nói chung hay một bộ phận nào đó của nguồn đầu tư này chẳng hạn nguồn nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Zhang [8], nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa ĐTTN trong đó chủ yếu là FDI và tăng trưởng kinh tế, kết luận rằng tác động của dòng đầu tư này vào tăng trưởng kinh tế qua kênh đầu tư nước chủ nhà là phụ thuộc vào đặc điểm của từng quốc gia. Dòng vốn này có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng ở các nước Đông Á như Đài Loan.

Tác giả Mallick và Moore [4] sử dụng mô hình tăng trưởng nội sinh bằng cách sử dụng dữ liệu bảng cho 60 nước đang phát triển trong thời gian 1970-2003. Họ nhận thấy rằng dòng vốn FDI có tác động tích cực và đáng kể vào tăng trưởng kinh tế. Nhưng những tác động gián tiếp của FDI đối với tăng trưởng kinh tế có thể là yếu ở các nhóm thu nhập thấp hơn. Agrawal và cs [1], nghiên cứu tác động của ĐTTN mà chủ yếu là FDI đối với tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ trong thời kỳ 1993-2009. Kết quả cho thấy, sự gia tăng 1% nguồn đầu tư này sẽ dẫn đến tăng 0,07% Tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc và tăng 0,02% GDP của Ấn Độ. Kết quả cũng phát hiện rằng, mức ảnh hưởng của dòng đầu tư này lớn hơn với tăng trưởng của Trung Quốc so với mức tăng trưởng của Ấn Độ. Yilmaz Bayar [6] nghiên cứu tác động của FDI và đầu tư trong nước đến tăng trưởng kinh tế của Thổ Nhĩ Kỳ dựa trên số liệu thời kỳ 1980-2012. Nghiên cứu này kết luận, FDI có tác động âm đến tăng trưởng kinh tế trong khi nguồn đầu tư trong nước DI ảnh hưởng tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Thu Thi Hoang, Paitoon Wiboonchutikula, Bangorn Tubtintong [9], đã đánh giá lại tác động của dòng vốn tư nhân thông qua FDI đến tăng trưởng ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, tác động của dòng vốn này khá mạnh đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, nhưng không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế thông qua các hiệu ứng tương tác của FDI với vốn con người và thương mại. Nghiên cứu mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng cho nền kinh tế Trung Quốc, Qui và cs [5] phát hiện ra rằng tăng trưởng đầu tư không dẫn đến tăng trưởng kinh tế. Đào Thông Minh và Lê Thị Mai Hương [3], đã sử dụng hàm tuyến tính đa biến phân tích dữ liệu thu thập được tiếp cận và tổng hợp từ nguồn dữ liệu Niên giám thống kê - Cục Thống kê của 13 tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả ước lượng cho thấy, ngoài ĐTTN các yếu tố lao động, cơ sở hạ tầng cũng ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng ở đây. Các kết quả nghiên cứu này là những gợi ý

để hình thành khung nghiên cứu về tác động của ĐTTN tới tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Phương pháp phân tích

Phương pháp ước lượng. Từ phân lý thuyết và tổng quan kết quả nghiên cứu thực nghiệm trên có thể áp dụng mô hình Tân cổ điển mà cụ thể là hàm sản xuất cho phân tích. Hàm sản xuất có dạng  $Y = A.F(K,L)$  nhưng áp dụng cho khu vực tư nhân. Khi đó dạng hàm sẽ là  $Y_p = F(K_p, L_p)$ . Trong đó  $Y_p$  là mức sản lượng của khu vực tư nhân;  $L_p$  là việc làm hay lao động đang làm việc

trong khu vực tư nhân;  $K_p$  là mức vốn sản xuất tư nhân (đây là kết quả của đầu tư). Giả sử hàm sản xuất có dạng hàm Cobb-Douglas nên ở đây sẽ mở rộng đưa biến đầu đại diện đầu tư công vào. Đó là  $K_g$  bằng mức vốn sản xuất khu vực công. Để tiện cho nghiên cứu trong trường hợp cụ thể này sẽ điều chỉnh tên biến và được chuyển sang logarit được thể hiện như sau:

$$\ln y_{pdt} = \ln A + \beta_1 \ln k_{pdt} + \beta_2 \ln k_{gdt} + \beta_3 \ln l_{dt} + \varepsilon_i \quad (I)$$

Nhưng vốn đầu tư công có thể có những ảnh hưởng tới ĐTTN hay sẽ xuất hiện hiện tượng nội sinh. Để giải quyết vấn đề này, ở đây sẽ thiết lập phương trình sau:

$$\ln k_{pdt} = \beta_0 + \beta_1 \ln k_{gdt} + \beta_2 r + \beta_3 b + \varepsilon_i \quad (II)$$

Bảng 1. Diễn giải các biến sử dụng

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải và cách tính
Sản lượng khu vực tư nhân	$\ln y_{pdt}$	Đại diện cho sản lượng khu vực tư nhân, ở đây sẽ lấy logarit giá trị sản lượng - GDP của khu vực tư nhân. GDP được tính theo giá 2010 đơn vị tỷ đồng
Đầu tư tư nhân	$\ln k_{pdt}$	Đại diện cho biến ĐTTN, ở đây $k_{pdt}$ là vốn sản xuất do kết quả ĐTTN tính bằng tỷ đồng theo giá 2010 dưới dạng logarit.
Đầu tư công	$\ln k_{gdt}$	Đại diện cho biến đầu tư công, ở đây $k_{gdt}$ là giá trị vốn sản xuất của khu vực công so với GDP và được tính theo tỷ đồng và giá 2010 và dưới dạng logarit
Lao động làm việc trong khu vực tư nhân ngành	$\ln l_{pdt}$	Đại diện cho lao động làm việc trong khu vực tư nhân và được tính bằng lấy logarit số lượng lao động khu vực tư nhân. Lao động làm việc trong khu vực tư nhân tính bằng người
Mức lãi suất thực tế	$r$	Đại diện cho lãi suất thực tế, tính bằng %, được xác định bằng lấy mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại trừ đi lạm phát.
Tín dụng trong nước được cung cấp bởi hệ thống NH cho ngành	$b$	Đại diện cho biến mức tín dụng cung cấp bởi hệ thống ngân hàng cho các ngành kinh tế được tính bằng tỷ lệ so sánh giữa mức tín dụng so với GDP của ngành hàng năm. Tính bằng số lần

Hai phương trình này là một hệ đồng thời. Ở đây biến nội sinh  $\ln k_{gdt}$  được giải quyết thông qua các biến ngoại sinh ở trong phương trình (II). Trong trường hợp này, theo Zellner, A & Theil.H [7] có thể áp dụng phương pháp ước lượng 3SLS. Các biến của hai phương trình này được diễn giải ở Bảng 1. Trong giai đoạn đầu, phương trình (II) được ước lượng các giá trị dự đoán của biến nội sinh được lưu trữ lại. Những giá trị này, sau đó, được thay thế biến nội sinh và phương trình cấu trúc được ước lượng.

#### 3.2. Số liệu dùng cho phân tích

Với số liệu vĩ mô lấy từ Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông và từ nguồn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông. Số liệu gồm sản lượng của khu vực tư nhân là GDP của khu vực tư nhân tính theo giá cố định 2010 (đơn vị tỷ đồng). Mức vốn ĐTTN và mức vốn đầu tư công được cung cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông, đơn vị tính là tỷ đồng và theo giá 2010. Mức sản lượng GDP và mức vốn đầu tư của từng khu vực công và tư nhân theo ngành sẽ là cơ sở xác định vốn sản xuất  $K$  của hai khu vực [2].  $K$  sẽ tính bằng tỷ đồng và theo giá 2010. Số lao động làm việc trong khu vực tư nhân bao gồm cả khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  $r$  - lãi suất thực lấy mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại được cung cấp bởi Ngân hàng Nhà nước. Từ đây sẽ tạo ra bảng dữ liệu để sử dụng cho mô hình (I) và (II) để phân tích (tỉnh Đắk Nông mới thành lập từ 2005).

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế tư nhân và ĐTTN tỉnh Đắk Nông

##### 4.1.1. Tình hình tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

Bảng 2. GDP của khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

	GDP khu vực tư nhân (tỷ đồng, giá 2010)	Tỷ lệ tăng trưởng GDP khu vực tư nhân (%)	Tỷ trọng GDP khu vực tư nhân trong GDP chung (%)
2005	3065,1	14,0	80,7
2010	7049,4	14,5	87,0
2015	13126,6	11,5	86,5
2017	15446,2	12,1	85,3

(Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông)

Bảng 2 cho thấy sản lượng – GDP của khu vực tư nhân tỉnh Đắk Nông tăng liên tục. Quy mô GDP theo giá 2010 tăng từ mức 3065,1 tỷ đồng năm 2005 lên 7049,4 tỷ đồng năm 2010, mức 13126,6 tỷ đồng năm 2015 và mức 15446,2 tỷ đồng năm 2017. Quy mô tăng gấp 3 lần sau 13 năm là rất ấn tượng và chứng tỏ năng lực sản xuất của khu vực này gia tăng rất nhanh. Tỷ lệ tăng trưởng GDP của khu vực tư nhân khá cao, trung bình khoảng gần 14,5%, cao hơn trung bình của Tỉnh chỉ 13,8%. Tăng trưởng GDP của khu vực tư nhân nhanh đã tăng dần tỷ trọng của khu vực này trong GDP chung. Điều này cũng khẳng định vị trí quan trọng và động lực chính của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế tỉnh Đắk Nông.

##### 4.1.2. Tình hình ĐTTN tỉnh Đắk Nông

Huy động ĐTTN: Theo giá 2010, tổng vốn ĐTTN trong nền kinh tế được huy động khá lớn và tăng đáng kể. Nếu

năm 2005 chỉ có 1058,9 tỷ đồng đầu tư công được huy động vào nền kinh tế thì năm 2015 là 4606,4 tỷ đồng và năm 2017 là 4849,1 tỷ đồng, tăng gấp 4,5 lần. Mức tăng vốn ĐTTN nhanh theo thời gian và nhanh hơn so với đầu tư công đã kéo theo tỷ trọng ĐTTN trong tổng đầu tư tăng nhanh. Nếu năm 2005 tỷ trọng này chỉ là 48,95 thì năm 2017 là 70,8%, hay tăng 21,9%. Năm 2017 tỷ trọng ĐTTN so với GDP chung và GDP của khu vực tư nhân lần lượt là 26,8% và 31,4%. Xu thế thay đổi này có hai hàm ý: (i) tiềm năng nguồn ĐTTN còn khá lớn mà nền kinh tế chưa huy động được; (ii) hiệu quả ĐTTN đang tăng.

**Phân bổ ĐTTN:** Trong giai đoạn 2005-2010, tỷ trọng đầu tư cho khu vực NLTS giảm trong khi tỷ trọng đầu tư cho khu vực Công nghiệp – xây dựng và dịch vụ tăng lên. Nhưng trong giai đoạn 2011-2017 xu hướng ngược lại, tỷ trọng đầu tư cho Nông lâm thủy sản và công nghiệp – xây dựng tăng, trong khi dịch vụ lại giảm. Xu thế này cho thấy đầu tư tư nhân đang có sự dịch chuyển vào những khu vực có tiềm năng lớn của tỉnh.

**Sử dụng ĐTTN:** Hệ số ICOR của khu vực tư nhân khá thấp, nếu giai đoạn 2005-2010 cần 1,9 đồng cho 01 đồng tăng trưởng GDP của khu vực này thì giai đoạn 2011-2017 cần 2,9 đồng cho 1 đồng tăng trưởng và tính chung 13 năm là 2,4 đồng. Hệ số ICOR này thấp hơn hệ số này của khu vực công và nền kinh tế giống như tình hình chung của Việt Nam.

Như vậy, nguồn vốn đầu tư công đã huy động vào nền kinh tế ngày càng lớn và khẳng định tầm quan trọng của nguồn này, tỷ trọng phân bổ đầu tư tư nhân đang có sự dịch chuyển vào những khu vực có tiềm năng lớn của tỉnh như nông nghiệp và công nghiệp.

#### 4.2. Phân tích tác động của ĐTTN tới tăng trưởng kinh tế tư nhân tỉnh Đắk Nông

**Bảng 3. Thống kê mô tả các biến được sử dụng**

Tên biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị bé nhất	Giá trị lớn nhất
lnypdn	39	7,704	0,755	6,061	8,824
lnkgdn	39	7,532	0,615	6,069	8,801
lnkpdn	39	6,163	0,825	4,631	7,752
lnlpdn	39	3,749	0,665	2,300	4,588
r	39	3,633	0,590	2,533	4,53
b	39	2,605	0,680	1,192	3,658

(Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông)

Với thống kê mô tả các biến trình bày ở Bảng 3 có thể thấy số liệu về cơ bản là không có sự phân tán nên có thể sử dụng để phân tích.

*Ma trận tương quan giữa các biến*

**Bảng 4. Ma trận tương quan giữa các biến mô Hình 1**

	lnypdn	lnkgdn	lnkpdn	lnlpdn
lnypdn	1,000			
lnkgdn	0,861	1,000		
lnkpdn	0,926	0,781	1,000	
lnlpdn	0,943	0,745	0,869	1,000

(Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông)

Trên Bảng 4, có thể thấy sản lượng khu vực tư nhân có mối quan hệ thuận chiều với đầu tư công và các biến còn lại với hệ số tương quan khá cao. Với hệ số tương quan cao có thể sẽ có hiện tượng đa cộng tuyến, tuy nhiên cần phải kiểm định cụ thể. Như vậy kỳ vọng chiều hướng hay chiều tác động sẽ là tác động dương.

#### Kết quả ước lượng

Kết quả ước lượng theo mô hình (I) và (II) trình bày trong Bảng 5. Các thống kê của mô hình đều có ý nghĩa thống kê và có thể sử dụng kết quả cho các bàn luận của nghiên cứu.

**Bảng 5. Kết quả ước lượng theo mô hình**

	Mô hình (I) với 3SLS	Mô hình (II)	Mô hình (I) với OLS
<b>Biến phụ thuộc</b>	lnypdn	lnkpdn	lnypdn
lnkgdn	0,275*** (0,077)	0,937*** (0,109)	0,332*** (0,065)
lnkpdn	0,347*** (0,125)		0,262*** (0,066)
lnlpdn	0,521*** (0,113)		0,560*** (0,076)
r		-0,825*** (0,129)	
b		1,181*** (0,254)	
Hằng số	1,545*** (0,321)	-2,076*** (0,734)	1,488*** (0,328)
Số quan sát	39	39	39
Hệ số tương quan điều chỉnh	0,961	0,808	0,963

Ghi chú: trong () là độ lệch chuẩn, \*\*\*, \*\*, \* là mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%

(Nguồn: Xử lý từ số liệu Niên giám thống kê của Cục Thống kê và Số liệu đầu tư của Sở KH và ĐT tỉnh Đắk Nông)

Từ đây có thể thấy:

**Thứ nhất,** kết quả hồi quy mô hình (I) theo 3SLS trên Bảng 5 hàm ý rằng ĐTTN có tác động tích cực đến sản lượng của họ với mức ý nghĩa 5%. Hệ số hồi quy là 0,347, cao hơn tác động của đầu tư công. Mức tác động này cũng cao hơn khi chỉ áp dụng phương pháp OLS.

**Thứ hai,** theo kết quả này, mức đầu tư công có tác động kích thích mức sản lượng khu vực tư nhân với mức ý nghĩa 5%. Hệ số hồi quy là +0,275, thấp hơn mức tác động của khu vực tư nhân và hàm ý rằng đầu tư công kích thích tăng trưởng sản lượng khu vực tư nhân. Kết quả này nhỏ hơn áp dụng ước lượng OLS thông thường.

**Thứ ba,** lao động trong khu vực tư nhân có tác động tới sản lượng của khu vực tư nhân. Hệ số hồi quy là +0,521 cho biết rằng yếu tố này có tác động tích cực và khá mạnh so với hai yếu tố đầu tư. Kết quả này cũng thấp hơn mức 0,56 trong cách ước lượng OLS. Điều này cũng chỉ ra rằng để tăng trưởng kinh tế khu vực tư nhân nói riêng và kinh tế Tỉnh nói chung, không chỉ vốn đầu tư mà lao động vẫn là yếu tố cần quan tâm huy động và sử dụng trong những năm tới khi mà đầu tư ngày càng khan hiếm.

## 5. Kết luận và hàm ý chính sách

### 5.1. Kết luận

*Thứ nhất*, ĐTTN có mức ảnh hưởng tới tăng trưởng sản lượng cao hơn so với đầu tư công. Có thể do hiệu quả ĐTTN cao hơn đầu tư công. Hoặc nhiều công trình đầu tư công ở tỉnh nhằm mục đích phát triển hạ tầng vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hạ tầng phục vụ an ninh quốc phòng biên giới ... mà thường ảnh hưởng không nhiều tới khu vực tư nhân.

*Thứ hai*, khu vực kinh tế tư nhân có sự tăng trưởng nhanh và hiện đang đóng góp khoảng gần 85% GDP, 92% tăng trưởng kinh tế và khoảng 90% việc làm. Khu vực kinh tế tư nhân này đã đang khẳng định là động lực chính và vai trò chủ đạo trong nền kinh tế tỉnh Đắk Nông.

*Thứ ba*, ĐTTN của Tỉnh đã tăng nhanh và chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế nhưng tỷ trọng so với GDP của nền kinh tế và khu vực tư nhân gần như không tăng những năm gần đây. Điều này cho thấy tiềm năng huy động nguồn đầu tư này còn khá lớn và vẫn chưa được khai thác.

*Thứ tư*, đầu tư công đã có tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế tư nhân qua đó cũng đã thúc đẩy tăng trưởng GDP của Tỉnh. Mức độ tác động của đầu tư công thấp hơn so với ĐTTN và lao động. Lao động là yếu tố có vai trò khá lớn với tăng trưởng sản lượng của khu vực này.

*Thứ năm*, đầu tư công đã không lấn át ĐTTN và ngược lại đã tạo ra tác động tích cực tới ĐTTN.

### 5.2. Hàm ý chính sách

*Thứ nhất*, với hệ số hồi quy của biến ĐTTN cho thấy mức tác động là đáng kể trong những năm qua. Tuy Nguồn ĐTTN của tỉnh cũng như từ bên ngoài còn lớn, song vẫn chưa được huy động vào nền kinh tế. Một trong những lý do cơ bản là môi trường đầu tư kinh doanh, cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực vẫn đang là rào cản lớn.

*Thứ hai*, lao động vẫn là nguồn lực quan trọng trong tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân. Giải quyết vấn đề khó khăn liên quan tới lao động cho doanh nghiệp tư nhân sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng của khu vực này cũng như toàn bộ nền kinh tế. Cải thiện dịch vụ đào tạo và hỗ trợ lao động bằng cơ chế chính sách và hỗ trợ tài chính từ ngân sách những năm tới cũng sẽ có tác động tích cực lớn tới sản lượng.

*Thứ ba*, cải thiện hoạt động của hệ thống ngân hàng và mở rộng tín dụng nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân giải quyết vấn đề vốn đầu tư sẽ kích thích ĐTTN

trong nền kinh tế.

*Thứ tư*, với hệ số hồi quy của biến đầu tư công cho thấy mức tác động là đáng kể trong những năm qua, nhưng cũng cần lưu ý khi mới thành lập Tỉnh thì dư địa ảnh hưởng còn lớn. Sau hơn 13 năm phát triển, dư địa thu hẹp và đầu tư công ngày càng giảm thì phải tìm giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư công theo định hướng mỗi đồng đầu tư công sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng của khu vực tư nhân vào nền kinh tế. Có thể sử dụng đầu tư công cho những công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm của Tỉnh, hoàn thiện môi trường kinh doanh và đối ứng cho các dự án công tư là một hướng sử dụng đầu tư công những năm tới.

*Thứ năm*, Chính quyền tỉnh cần dành một khoản chi tiêu công vào nâng cấp và cải thiện hạ tầng mềm của tỉnh nhằm nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước và có thể cải thiện môi trường đầu tư theo hướng minh bạch hơn, giảm các khoản chi phí không chính thức, chi phí gia nhập thị trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Agrawal Gaurav and Aamir Khan, Mohd. (2011). "Impact of FDI on GDP: A Comparative Study of China and India". *International Journal of Business and Management*, 6: 71-79.
- [2] Bùi Quang Bình (2014), 'Đánh giá thực trạng và xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2014-2020 và tầm nhìn 2030', Đề tài cấp tỉnh năm 2014.
- [3] Đào Thông Minh và Lê Thị Mai Hương (2016), Tác động của vốn đầu tư tư nhân, lao động, cơ sở hạ tầng đến tăng trưởng kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long, *Van Hien University Journal of Science*, Volume 4 Number 3.
- [4] Mallick, Sushanta and Tomroe Moore (2008). "Foreign Capital in a Growth Model" *Review of Development Economics* 12: 143-59.
- [5] Qin, Duo, Cagas, Marie Anne, Quising, Pilipinas & He, Xin-Hua (2006), 'How Much Does Investment Drive Economic Growth in China?', *Journal of Policy Modeling*, 28 (7), 751-774.
- [6] Yilmaz Bayar (2014), Effects of Foreign Direct Investment Inflows and Domestic Investment on Economic Growth: Evidence from Turkey, *International Journal of Economics and Finance*; Vol. 6, No. 4; 2014, ISSN 1916-971X E-ISSN 1916-9728, Published by Canadian Center of Science and Education.
- [7] Zellner, A & Theil.H (1962), 'Three- Stage last squeres: Simultaneous estimation of Simultaneous equations', *Econometrica*, 30(1), 54-78.
- [8] Zhang, Kevin Honglin (2001). "Does Foreign Direct Investment Promote Economic Growth? Evidence from East Asia and Latin America". *Contemporary Economic Policy* 19: 175-85.
- [9] Thu Thi Hoang, Paitoon Wiboonchutikula, Bangorn Tubtintong, Does Foreign Direct Investment Promote Economic Growth in Vietnam? *Asean Economic Bulletin* Vol.27, no. 3 (2010), pp.295-331.